

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15/8/2022

“Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hiến

Ông Nguyễn Văn Ánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Jét - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 195/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 517/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 556/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Võ Thị C**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh **Đặng Văn N**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: ấp 2, xã Đ, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

(Chị C có mặt tại phiên tòa, anh N vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Võ Thị C trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N cưới nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2017. Cuộc sống hôn nhân lúc đầu rất hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh N thay đổi tính tình, thường xuyên kiếm chuyện vô cớ chửi mắng, xúc phạm nhân phẩm, danh dự của chị C làm cho chị vô cùng tủ nhục và đau khổ khiến cho mục đích hôn nhân không đạt được.

Vào năm 2019, chị đã nộp đơn xin ly hôn với anh N nhưng chị đã rút đơn để tạo điều kiện cho anh N cơ hội hàn gắn, nhưng thời gian qua cuộc sống vợ chồng tiếp tục xảy ra nhiều mâu thuẫn đến nay quá trầm trọng không thể giải quyết được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự phai nhạt, không thể hàn gắn được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

- **Về quan hệ nuôi con:** Có 01 con chung tên Đặng Tường V, sinh ngày 13/6/2015. Chị C yêu cầu giải quyết nguyện vọng con theo ai thì người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

- **Về quan hệ tài sản:** Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về quan hệ nợ:** Theo đơn khởi kiện trình bày về nợ không có. Tại phiên hòa giải, chị thay đổi trình bày là về nợ không có nợ ai và cũng không cho ai nợ. Chị cam kết lời trình bày này của mình nếu sau này có ai kiện đòi nợ chị và anh Nhi thì chị xin chịu trách nhiệm cùng với anh N.

2. Bị đơn anh Đặng Văn N trình bày như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh thống nhất với chị C về hôn nhân vợ chồng lấy nhau vào năm 2017 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2017. Về mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng ly hôn thì anh cũng thống nhất với lời trình bày của chị C nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị C. Trường hợp Tòa án đưa vụ án ra xét xử thì anh đồng ý.

- **Về quan hệ nuôi con:** Có 01 con chung tên Đặng Tường V, sinh ngày 13/6/2015. Anh N yêu cầu giải quyết nguyện vọng con theo ai thì người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

- **Về quan hệ tài sản:** Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về quan hệ nợ:** Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ. Anh cam kết lời trình bày này của mình nếu sau này có ai kiện đòi nợ anh và chị C thì anh xin chịu trách nhiệm cùng với chị C.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp gồm:*

- + Trích lục kết hôn (bản sao);
- + Trích lục khai sinh 01 con chung (bản sao);
- + Văn bản trình bày ý kiến của 01 con chung (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Đ huyện Thập Mười nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thập Mười theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh N.

[4] Về nội dung:

[4.1] Quan hệ hôn nhân:

Chị Võ Thị C và anh Đặng Văn N tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh N đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 đến nay vẫn không giải quyết được. Nguyên nhân chính là do anh N thường xuyên chửi mắng chị, hơn nữa vì không tin tưởng nên anh N xúc phạm chị, làm chị vô cùng buồn tủi, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2022 đến nay. Nay chị C yêu cầu ly hôn anh N.

Hội đồng xét xử xét thấy với thực trạng hôn nhân như trên cho thấy mâu thuẫn kéo dài giữa chị C và anh N đã trầm trọng, không giải quyết được, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận chị Võ Thị C được ly hôn với anh Đặng Văn N. Mặc khác, tại phiên tòa hôm nay, anh N vẫn cố tình vắng mặt, điều này thể hiện anh không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh N là có căn cứ nên chấp nhận.

[4.2] Quan hệ nuôi con:

Chị C và anh N trình bày vợ chồng có 01 con chung tên chung tên Đặng Tường V, sinh ngày 13/6/2015. Hiện con chung đang sống chung với chị C. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, tại văn bản ý kiến ngày 01 tháng 8 năm 2022, cháu V trình bày nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ. Do đó, để đảm bảo môi trường

thuận lợi cho sự phát triển tốt nhất của cháu V và đảm bảo tâm lý của cháu được ổn định khi cha mẹ ly hôn, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nghĩ nên chấp nhận để cháu Vy được tiếp tục sống chung với chị C

Chị C và anh N có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. anh N được quyền thăm con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó”.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị C không có yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét .

[4.3] Quan hệ chia tài sản, nợ: Chị C và anh N xác định vợ chồng tự thỏa thuận và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị C được ly hôn với anh N.

2. Về quan hệ nuôi con: Chị Võ Thị C được trực tiếp nuôi con chung tên Đặng Tường V - sinh ngày 13/6/2015, hiện con chung đang sống với chị N.

Chị C và anh N có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh Nhi được quyền thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị C không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về quan hệ chia tài sản, nợ: Chị C và anh N xác định vợ chồng tự thỏa thuận tài sản chung và không có nợ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Võ Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0007838 ngày 09/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện TM;
- UBND xã Đ,
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ (Jet).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Thanh Tuấn